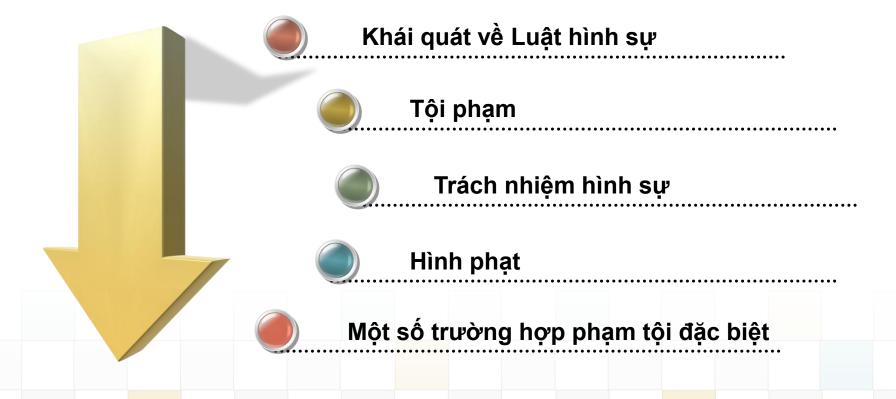


NỘI DUNG









1.1 Khái niệm:

Luật Hình sự là một ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật Việt Nam bao gồm hệ thống các quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành, xác định những hành vi nguy hiểm nào là tội phạm, đồng thời quy định hình phạt đối với tội phạm đó.





1.2 Đối tượng điều chỉnh:

Là những QHXH phát sinh giữa Nhà nước với người phạm tội khi người này thực hiện một hành vi mà nhà nước quy định là tội phạm.

Nhà nước: Có quyền điều tra, truy tố, xét xử người phạm tội, buộc người phạm tội phải chịu TNHS.

Người phạm tội: Có trách nhiệm chấp hành các biện pháp cưỡng chế mà NN áp dụng; có quyền yêu cầu NN đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của mình.



1.3 Phương pháp điều chỉnh:

PPĐC của LHS là phương pháp sử dụng quyền lực nhà nước trong việc điều chỉnh các quan hệ pháp luật hình sự giữa Nhà nước và người phạm tội. Đó là:

Phương pháp quyền uy

- Nhà nước có quyền tối cao trong việc định đoạt số phận pháp lý của người phạm tội. Quyền lực này chỉ lệ thuộc vào pháp luật do NN ban hành mà không lệ thuộc hay hạn chế bởi bất kỳ cá nhân, tổ chức nào;
- Người phạm tội phải chấp hành vô điều kiện các biện pháp mà NN quyết định đối với họ, không được phép khước từ hay ủy quyền cho người khác thực hiện thay.





1.4 Nội dung cơ bản của Bộ Luật Hình sự:

- ☐ Quá trình phát triển Luật Hình sự Việt Nam
- Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1985 (được sửa đổi, bổ sung năm 1989, 1991, 1992, 1997)
- ➤ Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung vào năm 2009).
- ➤ Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) có hiệu lực từ 01/01/2018.



1.4 Nội dung cơ bản của Luật Hình sự:

- □ Bộ luật Hình sự Việt Nam → có 3 đặc điểm:
- Hình thức pháp lý: là văn bản quy phạm pháp luật.
- Thẩm quyền ban hành: do Quốc hội ban hành.
- Nội dung: chứa đựng các quy phạm pháp luật quy định về tội phạm và hình phạt.
- ➤ Chế định Tội phạm
- Chế định Hình phạt









Hiệu lực của Bộ luật Hình sự 2015

- Hiệu lực về không gian: Điều 5, 6
- Trên lãnh thổ Việt Nam
- Ngoài lãnh thổ Việt Nam
- Hiệu lực về thời gian: Điều 7

Ngày có hiệu lực 1/1/2018



1.4 Nội dung cơ bản của Bộ Luật Hình sự:

- Bộ luật Hình sự Việt Nam (BLHSVN) là văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất ban hành, quy định về tội phạm và hình phạt cũng như các chế định khác liên quan đến việc xác định tội phạm và hình phạt, đồng thời quy định nhiệm vụ và những nguyên tắc chung của luật hình sự Việt Nam.



Bộ luật hình sự

Phần chung

Phần riêng

Gồm những quy phạm quy định các vấn đề chung về việc xác định tội phạm và hình phạt (những điều khoản cơ bản, hiệu lực của BLHS, tội phạm, loại trừ TNHS, thời hiệu truy cứu TNHS, hình phạt, quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội...)

Quy định về các tội phạm cụ thể (Tội xâm phạm an ninh quốc gia, tội xâm phạm tính mạng, sk, nhân phẩm, danh dự của con người; tội xâm phạm quyền tự do; Xâm phạm quyền sở hữu; Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân gia đình; Các tội phạm xp trật tự quản lý kinh tế; TP Môi trường; TP Về ma túy; TP an toàn, trật tự công cộng; Trật tự quản lý hành chính; TP về chức vụ; hoạt động tư pháp; về quân nhân; phá hoại hòa bình



1.5 Các nguyên tắc cơ bản của Luật Hình sự:

- Nguyên tắc pháp chế XHCN: Chỉ có PLHS mới quy định hành vi nào là tội phạm
- Nguyên tắc dân chủ XHCN: tôn trọng và bảo vệ các quyền tự do dân chủ của công dân, mọi công dân có quyền ngang nhau, không có phân biệt đối xử...
- Nguyên tắc nhân đạo XHCN: áp dụng hình phạt chủ yếu nhằm mục đích giáo dục và cải tạo họ (quy định khoan hồng, hưởng án treo, miễn trách nhiệm hình sự...)
- Nguyên tắc kết hợp hài hòa sử chủ nghĩa yêu nước và tinh thần quốc tế: quy định các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh.



1.6 Vai trò của Luật Hình sự:

- Bảo vệ chế độ XHCN, quyền làm chủ tập thể XHCN
- Bảo vệ quyền bình đẳng giữa đồng bào các dân tộc
- Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.
- Bảo vệ trật tự pháp luật XHCN
- Chống mọi hành vi phạm tội
- Giáo dục ý thức tuân theo pháp luật
- Đấu tranh và phòng ngừa tội phạm





2.1 Khái niệm:

Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm các QHXH được PLHS bảo vê.

(Điều 8)

Một người chỉ bị coi là tội phạm khi bị kết án bởi Bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án



2.2 Hệ thống các tội phạm theo quy định của BLHS 2015

- 1. Các tội xâm phạm an ninh quốc gia;
- Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người;
- Các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân;
- 4. Các tội xâm phạm sở hữu;
- 5. Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình;
- Các tội xâm phạm tr<mark>ật tự</mark> quản lý kinh tế; các tội phạm về môi trường;



2.2 Hệ thống các tội phạm theo quy định của BLHS 2015

- 1. Các tội phạm về ma túy;
- Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng;
- 3. Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính;
- 4. Các tội phạm về chức vụ: các tội phạm về tham nhũng, các tội phạm khác về tham nhũng;
- Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp; các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân;
- 6. Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh.



Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng

Khung Hình phạt trên 15 năm, chung thân, tử hình



Mức cao nhất của khung hình phạt từ trên 7-15 năm tù

Tội phạm nghiêm trọng

Mức cao nhất của khung hình phạt từ trên 03 năm - 7 năm tù

Tội phạm ít nghiêm trọng

Hình phạt là phạt tiền, cải tạo không giam giữ, phạt tù đến 3 năm

2.3 Phân loại Tội phạm:

Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội:





2.4 Dấu hiệu cơ bản của Tội phạm:

Tính nguy hiểm cho xã hội

Tính có lỗi của tội phạm

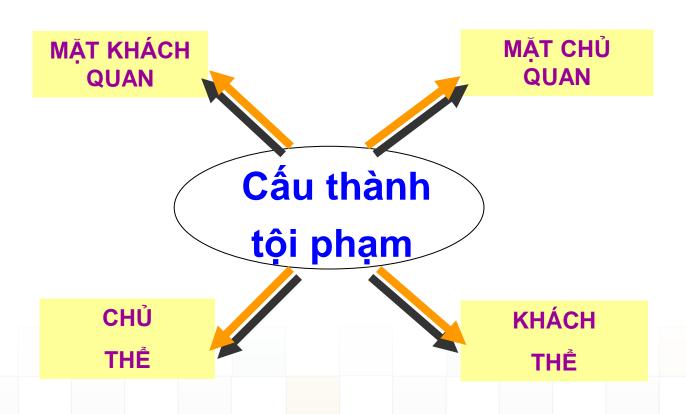
Tính trái pháp luật hình sự

Tính phải chịu hình phạt





2.5 Các yếu tố cấu thành Tội phạm:





2.5 Các yếu tố cấu thành Tội phạm:

2.5.1 Khách thể của tội phạm:

Là các QHXH mà PLHS bảo vệ bị tội phạm đã xâm phạm đến.

- Quyền tài sản
- Quyền nhân thân
- Tính mạng, sức khỏe...



2.5 Các yếu tố cấu thành Tội phạm:

2.5.2 Mặt khách quan của tội phạm:

- Là hành vi trái pháp luật
- Hậu quả gây ra
- Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả



2.5 Các yếu tố cấu thành Tội phạm:

- 2.5.3 Mặt chủ quan của tội phạm:
- Lỗi (cố ý, vô ý): Điều 10, 11
- Động cơ
- Mục đích



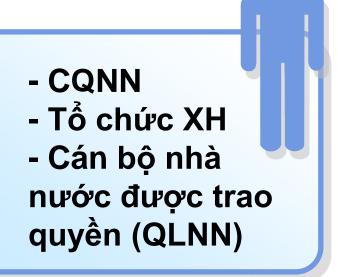
2.5 Các yếu tố cấu thành Tội phạm:

- 2.5.4 Chủ thể của tội phạm: (Điều 2, 8)
- Pháp nhân thương mại (Điều 76)
- Cá nhân: người có năng lực trách nhiệm hình sự:
- + Độ tuổi chịu TNHS: đủ 16 tuổi; 14-16 tuổi tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng
- + Năng lực TNHS: Nhận thức, điều khiển hành vi (Phạm tội do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự - Điều 13).



Chủ thể Quan hệ pháp luật hình sự

VS



- Pháp nhân thương mại - Cá nhân





3.1 Khái niệm

- Trách nhiệm hình sự (TNHS) là hậu quả pháp lý của việc thực hiện tội phạm mà chủ thể phạm tội phải gánh chịu trước Nhà nước về hành vi phạm tội của mình mà nội dung của nó là hình phạt và các biện pháp cưỡng chế hình sự khác theo quy định của Bộ luật hình sự.



3.2 Thời hiệu truy cứu TNHS

- Thời hiệu truy cứu TNHS là thời hạn do BLHS quy định mà hết thời hạn đó người phạm tội không bị truy cứu TNHS (Đ 27)
- Thời hiệu được tính từ ngày tội phạm được thực hiện.
- Thời hiệu truy cứu TNHS được quy định như sau:



THỜI HIỆU TRUY CỬU TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ





3.2 Thời hiệu truy cứu TNHS

- Không áp dụng thời hiệu:
- Nếu người phạm tội cố tình trốn tránh và có QĐ truy nã;
- Thực hiện các tội phạm cụ thể (theo Đ 28):
- 1. Các tội xâm phạm an ninh quốc gia quy định tại Chương XIII của Bộ luật này;
- 2. Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh quy định tại Chương XXVI của Bộ luật này;
- 3. Tội tham ô tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 353 của Bộ luật này; tội nhận hối lộ thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 354 của Bộ luật này.



- 3.3 Năng lực TNHS: Chủ thể chịu trách nhiệm hình sự phải có năng lực TNHS
- Pháp nhân thương mại (Điều 76)
- Cá nhân: người có năng lực trách nhiệm hình sự:
- + Độ tuối chịu TNHS: đủ 16 tuối; 14-16 tuối tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng
- + Năng lực TNHS: Nhận thức, điều khiển hành vi (Phạm tội do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự Điều 13).



3.3 Năng lực trách nhiệm hình sự

- Không phải chịu TNHS (loại trừ trách nhiệm hình sự) trong trường hợp:
- Tình trạng Không có năng lực TNHS: Điều 21.
- Sự kiện bất ngờ (Đ 20)
- Phòng vệ chính đáng (Đ 22)
- Tình thế cấp thiết (Đ 23)
- Gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm tội (Đ 24)
- Rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ (Đ 25)
- Thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên(Đ 26)



3.3 Năng lực trách nhiệm hình sự

- Miễn TNHS Là không buộc người phạm tội phải chịu
 TNHS về tội mà người đó đã thực hiện
- Miễn TNHS trong các trường hợp: (Điều 29)
- Hành vi không còn nguy hiểm cho xã hội theo quy định pháp luật và theo chuyển biến của tình hình
- Có quyết định đại xá
- Người phạm tội mắc bệnh hiểm nghèo
- Tự thú và có biện pháp đặc biệt
- Đề nghị của người bị hại
- Thẩm quyền miễn TNHS: VKSND/TAND
- Hậu quả pháp lý của miễn TNHS:





4. HÌNH PHẠT



4.1. Khái niệm

- Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợ ích của người phạm tội. (Điều 30)
- Hình phạt được quy định trong Bộ luật hình sự và do Toà án quyết định.





4. HÌNH PHẠT



4.2. Mục đích của Hình phạt: Điều 31

- Trừng trị người phạm tội
- Giáo dục → trở thành người có ích cho XH, ý thức tuân theo PL và các quy tắc của cuộc sống XHCN,
- Ngăn ngừa phạm tội mới.
- Giáo dục người khác tôn trọng PL, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.



4.3 Phân loại hình phạt (điều 32)

Đối với cá nhân

Hình phạt chính

Hình phạt bổ sung Đối với pháp nhân thương mại

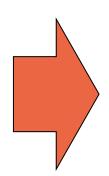
Hình phạt chính

Hình phạt bổ sung



ĐỐI VỚI CÁ NHÂN:

Hình phạt chính

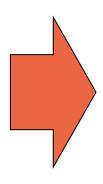


- 1. Cảnh cáo
- 2. Phạt tiền
- 3. Cải tạo không giam giữ
- 4. Trục xuất
- 5. Tù có thời hạn
- 6. Tù chung thân
- 7. Tử hình



ĐỐI VỚI CÁ NHÂN:





- Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;
- 2. Cấm cư trú;
- 3. Quản chế;
- 4. Tước một số quyền công dân;
- 5. Tịch thu tài sản;
- 6. Phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính;
- 7. Trục xuất, khi không áp dụng là hình phạt chính

+1			
V.	HÌNH PHẠT	ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG	
	Cảnh cáo	 + Chỉ áp dụng đối với tội ít nghiêm trọng. + Có từ 2 tình tiết giảm nhẹ trở lên. + Chưa đến mức được miễn hình phạt 	
	Phạt tiền	 + Nếu được áp dụng là hình phạt chính → phạm tội ít nghiêm trọng xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, trật tự công cộng trật tự quản lý hành chính và một số tội phạm khác do BLHS quy định. + Nếu được áp dụng là hình phạt bổ sung → tội tham nhũng, tội phạm ma tuý hoặc những tội phạm khác do BLHS quy định 	
	Cải tạo không giam giữ	 + Tội ít nghiêm trọng và tội nghiêm trọng. + Có nơi làm việc ổn định/nơi thường trú rõ ràng. + Xét thấy không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội 	
	Trục xuất	Buộc người nước ngoài bị kết án phải rời khỏi lãnh thổ nước CHXHXN Việt Nam.	

ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG			
 + Buộc người bị kết án phải cách ly khỏi đời sống xã hội để chấp hành hình phạt tại trại cải tạo trong một thời gian nhất định. + Thời hạn của hình phạt tù có thời hạn là từ 3 tháng đến 20 năm (đối với trường hợp tổng hợp hình phạt thì mức hình phạt tối đa là 30 năm tù). 			
 + Phạm tội đặc biệt nghiêm trọng + Chưa đến mức bị xử phạt tử hình + Không áp dụng đối với người chưa thành niên khi phạm tội 			
 + Phạm tội đặc biệt nghiêm trọng + Không áp dụng: người chưa TN khi phạm tội, phụ nữ có thai/nuôi con < 36th tuổi khi phạm tội hoặc khi xét xử. + Không thi hành án tử hình phụ nữ có thai/nuôi con < 36th tuổi (hp tử hình → hp tù chung thân) + Được Chủ tịch nước chấp nhận cho ân giảm: hình phạt tử hình → tù chung thân 			



ĐỐI VỚI PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI:

Hình phạt chính

- a) Phạt tiền;
- b) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- c) Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.

Hình phạt bổ sung

- a) Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định;
- b) Cấm huy động vốn;
- c) Phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính.



CÁC BIỆN PHÁP TƯ PHÁP (ĐIỀU 48)

- 1. Đối với người phạm tội bao gồm:
- a) Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm;
- b) Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi;
- c) Bắt buộc chữa bệnh.
- 2. Đối với pháp nhân thương mại phạm tội:
- a) Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm;
- b) Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi;
- c) Khôi phục lại tình trạng ban đầu;
- d) Thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra.



4.4 Nguyên tắc áp dụng hình phạt

- Người phạm tội chỉ bị áp dụng 1 hình phạt chính và có thể không bị áp dụng hình phạt bổ sung hoặc bị áp dụng 1 hoặc nhiều hình phạt bổ sung.
- Hình phạt chính được tuyên độc lập, còn hình phạt bổ sung luôn phải đi kèm với hình phạt chính



4.4 Nguyên tắc áp dụng hình phạt

- Áp dụng hình phạt trong các trường hợp:
- Các tình tiết giảm nhẹ TNHS (Đ 51,84)
- Các tình tiết tăng nặng TNHS (Đ 52,85, tái phạm Đ 53)
- Quyết định hình phạt dưới khung (Đ 54)
- Quyết định hình phạt khi phạm nhiều tội (đ 55,87,86);
 chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt (đ 57); đồng phạm (đ 58)
- Tổng hợp hình phạt (Đ 56)
- Miễn hình phạt (đ 59,88)



4.4 Nguyên tắc áp dụng hình phạt

 Cách tính hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội:

Trong trường hợp một người phạm nhiều tội, được xét xử trong cùng 01 lần thì Tòa án quyết định hình phạt với từng tội và tổng hợp theo quy định tại Điều 55 Bộ luật Hình sự 2015.

Lưu ý: Phạt tiền, trục xuất không tổng hợp với các hình phạt khác.



4.4 Nguyên tắc áp dụng hình phạt a. Cách tính hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội:

Đối với *hình phạt chính*, tổng hình phạt chung sẽ được

T T	tính như sau: Hình phạt riêng	Tổng hình phạt chung
1	Đều là cải tạo không giam giữ	- Cộng tổng mức phạt
		- Không quá 03 năm
2	Đều là tù có thời hạn	- Cộng tổng mức phạt
		- Không quá 30 năm
3	Hỗn hợp gồm cả cải tạo không	- Cộng tổng mức phạt
	giam giữ và tù có thời hạn	- 03 ngày cải tạo không giam giữ =
		01 ngày tù có thời hạn
		- Không quá 30 năm
4	Hình phạt nặng nhất là chung thân	Tù chung thân
5	Hình phạt nặng nhất là tử hình	Tử hình



4.4 Nguyên tắc áp dụng hình phạt

a. Cách tính hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội:

Đối với *Hình phạt bổ sung*, tổng hình phạt chung sẽ

T T	được tính như sau: Hình phạt riêng	Tổng hình phạt chung
1	Hình phạt riêng là	Hình phạt chung được quyết định
	cùng loại	trong giới hạn của Bộ luật Hình sự
		với từng loại hình phạt đó
2	Hình phạt riêng là	Người bị kết án phải chấp hành tất
	khác loại	cả các hình phạt đã tuyên
3	Các khoản tiền trong	Được cộng lại thành hình phạt
	hình phạt riêng	chung



4.4 Nguyên tắc áp dụng hình phạt b. Cách tính hình phạt khi có nhiều bản án

• Nhiều bản án được hiểu là tội phạm đã bị xét xử bằng một bản án có hiệu lực pháp luật, đang chấp hành bản án đó nhưng lại thực hiện hành vi phạm tội mới hoặc có thực hiện hành vi phạm tội trước đó và giờ mới bị đem ra xét xử bằng một bản án mới.



4.4 Nguyên tắc áp dụng hình phạt b. Cách tính hình phạt khi có nhiều bản án (Đ 56)

- Nếu là tội đã phạm trước đó thì Tòa án sẽ quyết định hình phạt cho tội này. Sau đó, hình phạt chung sẽ được tính theo cách đã nêu ở bảng trên. Lưu ý, thời hạn đã chấp hành hình phạt của bản án trước được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung.
- Nếu thực hiện hành vi phạm tội mới, Tóa án sẽ quyết định hình phạt với tội mới. Sau đó sẽ tổng hợp với thời hạn chưa chấp hành hình phạt của bản án trước đó. Sau cùng, Tòa án sẽ quyết định hình phạt chung theo cách tính của bảng đã nêu ở trên.
- Nếu các hình phạt của các bản án mà một người phải chấp hành chưa được tổng hợp thì Chánh án Tòa án ra quyết định tổng hợp các hình phạt của các bản án như cách tính đã nêu ở bảng trên.



Một số vấn đề về hình phạt

- Miễn hình phạt (đ 59,88)
- Miễn chấp hành hình phạt (đ 62)
- Giảm mức Hình phạt đã tuyên (Đ 63)
- Giảm thời hạn chấp hành hình phạt trong trường đặc biệt (đ 64)
- Án treo (đ 65)
- Tha tù trước thời hạn có điều kiện (đ 66)
- Hoãn chấp hành hình phạt tù (đ 67)
- Tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù (đ 68)

ÁN TÍCH VÀ XÓA ÁN TÍCH



- Án tích: thể hiện việc bị kết án
- Không có án tích: không phạm tội hoặc được xóa án tích hoặc bị kết án do lỗi vô ý về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng và người được miễn hình phạt
- Xóa án tích: được coi như chưa bị kết án
 - + Đương nhiên được xóa án tích
 - + Xóa án tích theo quyết định của Tòa án
 - + Xóa án tích trong trường hợp đặc biệt

(Điều 6<mark>9 –</mark> Điều 73, Điều 89)



NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI



1. Nguyên tắc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội (Đ 91)

- Đảm bảo lợi ích tốt nhất, chủ yếu nhằm mục đích giáo dục
- Miễn TNHS và áp dụng các biện pháp khác (*)
- Căn cứ vào độ tuổi và khả năng nhận thức, nguyên nhân và đ/kiện phạm tội.



NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI



2. Nguyên tắc áp dụng hình phạt:

- Không xử phạt tù chung thân và tử hình
- Không áp dụng hình phạt bổ sung
- Tổng hợp hình phạt:
- Không quá 12 năm tù đối với người từ đủ 14t dưới 16t
- Không quá 18 năm tù đối với người từ đủ 16t dưới 18t



ĐỒNG PHẠM (Điều 17)



- Là trường hợp có 2 người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm.
- Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm
- Đồng phạm gồm có: người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức



MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TỘI PHẠM



- Chuẩn bị phạm tội (Đ 14)
- Phạm tội chưa đạt (Đ 15)
- Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội (Đ 16)
- Che giấu tội phạm (Đ 18)
- Không tố giác tội phạm (Đ 19)
- Đồng phạm (Đ 17)

